

Bản án số: 16/2019/HSST
Ngày 14/6/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thơm, bà Lê Thị Hoà
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Trung.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Tuấn Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2019/TLST-HS ngày 27/5/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-HS ngày 31/9/2019 đối với bị cáo Nguyễn Thị T; sinh năm 1977 tại tỉnh TN; Nơi cư trú: Thôn TN, xã E, huyện C, tỉnh ĐN; Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông: Nguyễn Văn K, đã chết; Con bà: Trần Thị B, đã chết; Chồng: Phùng Văn M, sinh năm 1973; Bị cáo có 04 con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/3/2019 đến ngày 10/3/2019, sau đó được áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; ; Nhân thân: Ngày 17/5/2006 bị Tòa án nhân dân tỉnh TN tuyên phạt 07 (bảy) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại Điều 194 BLHS năm 1999; sau khi tuyên án, bỏ trốn khỏi địa phương không chấp hành án, bị truy nã. Đến ngày 24/11/2009, bị Tòa án nhân dân huyện KN, tỉnh ĐN tuyên phạt 01 (một) năm tù về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại Điều 138 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); tổng hợp hình phạt 07 (bảy) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy của Bản án Tòa án nhân dân tỉnh TN, hình phạt chung phải chấp hành là 08 (tám) năm tù; chấp hành xong ngày 28/01/2016. Sau khi chấp hành án phạt tù xong, chuyển về sinh sống tại thôn TN, xã E, huyện C, tỉnh ĐN. Hiện tại ngoại, bị cáo có mặt tại phiên tòa

Người bị hại: Anh Phạm Văn K, chị Phạm Thị C- Địa chỉ: Thôn 6, xã ND, huyện C, tỉnh ĐN – Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phùng Văn M - Địa chỉ: Thôn TN, xã E, huyện C, tỉnh ĐN – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 04/3/2019, sau khi đi bán rau về thì Nguyễn Thị T điều khiển xe máy biển kiểm soát (BKS) 50PC – 1367 đi vào thôn 06, xã Nam Dong, huyện Cư Jut, tỉnh Đắk Nông để mua bơ. Khi đi đến nhà anh Phạm Văn K, T nhìn thấy nhà đóng cửa, không có ai ở nhà nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T đi đến dựng xe bên cạnh ngôi nhà rồi dùng tay móc mở cửa sổ nhà anh K để chui vào trong. Tại đây, T thấy 01 bao màu trắng đựng hạt tiêu khô và 02 cái nia đựng hạt tiêu khô. T lấy 01 bao màu trắng khác ở trong nhà anh Khanh rồi đổ 02 cái nia đựng hạt tiêu khô vào bao này. Sau đó, Tuyết mang lần lượt 02 bao màu trắng đựng hạt tiêu khô ra phía sau nhà anh K, mở cửa phía sau nhà ra rồi đặt 01 bao lên phần gác của xe máy BKS 50PC – 1367; bao còn lại đặt phía sau yên xe máy. Lúc này, bao đựng tiêu phía sau bị thủng nên T đứng đợi khoảng 03 phút cho Tiêu ngừng rót rồi điều khiển xe máy đi về hướng thôn TT, xã ND, huyện C, tỉnh ĐN để bán. Khi đi được khoảng 700m thì bị người dân phát hiện bắt quả tang.

Phạm Thị C (vợ Phạm Văn K) sau khi nhận được tin báo nhà bị mất trộm đã về nhà và thu gom số tiêu rót lại tại khu vực bên hông nhà nơi T dừng xe để lấy trộm tiêu; tổng cộng được 8kg tiêu khô và giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện C. Ngoài ra, gia đình Phạm Thị C còn khai báo mất trộm khoảng 75kg tiêu hạt khô vào năm 2017 và 2018 nhưng sau khi mất trộm không trình báo Cơ quan công an.

Vật chứng của vụ án Cơ quan CSĐT Công an huyện C thu giữ:

- Thu giữ khi bắt quả tang: 01 bao màu trắng đựng hạt tiêu khô có trọng lượng 35kg và 01 bao màu trắng đựng hạt tiêu khô có trọng lượng 15kg;
- 01 bao màu trắng đựng hạt tiêu khô có trọng lượng 08kg do Phạm Văn K giao nộp;
- 01 xe máy BKS 50PC – 1367;

Tại kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐG ngày 06/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: 01 bao tiêu khô có trọng lượng 35kg trị giá 1.617.000đ; 01 bao tiêu khô có trọng lượng 15kg trị giá 688.500đ; 01 tiêu khô có trọng lượng 08kg trị giá 365.600đ. Tổng tài sản định giá có giá trị 2.671.000đ (*Hai triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn đồng*).

Qua điều tra xác định được: 01 bao màu trắng đựng 35kg hạt tiêu khô, 01 bao màu trắng đựng 15kg hạt tiêu khô, 01 bao màu trắng đựng 08kg hạt tiêu khô là của gia đình Phạm Văn K (SN: 1980, trú tại: Thôn 06, xã ND, huyện C, tỉnh ĐN). Ngày 19/4/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện C ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho gia đình Phạm Văn K là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với 01 (một) xe máy BKS 50PC – 1367 là của Phùng Văn M (chồng của Nguyễn Thị T), ngày 04/3/2019 Nguyễn Thị T nói lấy xe đi bán rau nên M không biết việc T sử dụng xe vào mục đích trộm cắp tài sản; hiện Cơ quan CSĐT Công an huyện Cư Jut đang tiếp tục tạm giữ để xử lý theo quy định.

Bản cáo trạng số: 19/CTr-VKS ngày 27/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jut đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, bị cáo thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” là đúng không oan, bị cáo đồng ý với kết luận định giá tài sản của hội đồng giám định trong tố tụng hình sự huyện C.

Phản tranh luận bị cáo không bào chữa gì mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại anh Phạm Văn K, chị Phạm Thị C số tiền là 2.000.000 đồng, anh Phạm Văn K, chị Phạm Thị C đã có đơn bãi nại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo như tại bản cáo trạng số: 19/CTr-VKS ngày 27/5/2019 về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Sau khi phân tích các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo cải tạo không giam giữ từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận việc xử lý vật chứng của Cơ quan CSĐT Công an huyện C trả lại: 01 bao màu trắng đựng 35kg hạt tiêu khô, 01 bao màu trắng đựng 15kg hạt tiêu khô, 01 bao màu trắng đựng 08kg hạt tiêu khô cho anh Phạm Văn K và chị Phạm Thị C (Trú tại: Thôn 06, xã ND, huyện C, tỉnh ĐN) là chủ sở hữu hợp pháp.

Trả lại 01 (một) xe máy BKS 50PC – 1367 cho anh Phùng Văn M là chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Phạm Văn K, chị Phạm Thị C đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường; Người có quyền lợi liên quan anh Phùng Văn M không yêu cầu bồi thường gì nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi của Điều tra viên, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với hành vi của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 04/3/2019 lợi dụng sự sơ hở của gia đình anh Phạm Văn K, chị Phạm

Thị C trong việc quản lý tài sản bị cáo Nguyễn Thị T đã có hành vi lén lút đột nhập vào nhà anh K, chị C lấy trộm 58kg hạt tiêu khô, giá trị tài sản bị cáo đã trộm cắp là 2.671.000đ (*Hai triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn đồng*).

Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....
Xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý phạm tội. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại số tiền 2.000.000đ, tài sản đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại, trong quá trình giải quyết vụ án người bị hại đã có đơn bãi nại, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn; Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội; cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, điều kiện hoàn cảnh của bị cáo, bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng; Hội đồng xét xử xét thấy chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ Điều 46, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận việc xử lý vật chứng của Cơ quan CSĐT Công an huyện C trả lại: 01 bao màu trắng đựng 35kg hạt tiêu khô, 01 bao màu trắng đựng 15kg hạt tiêu khô, 01 bao màu trắng đựng 08kg hạt tiêu khô cho anh Phạm Văn K và chị Phạm Thị C (Trú tại: Thôn 06, xã ND, huyện C, tỉnh ĐN) là chủ sở hữu hợp pháp.

Trả lại 01 (một) xe máy BKS 50PC – 1367 cho anh Phùng Văn M là chủ sở hữu hợp pháp.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*"

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ; được khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ là 07 ngày x 3 = 21 ngày; thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho UBND xã E giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án. Do bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên được miễn khấu trừ thu nhập theo quy định trong thời gian chấp hành án.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận việc xử lý vật chứng của Cơ quan CSĐT Công an huyện C trả lại: 01 bao màu trắng đựng 35kg hạt tiêu khô, 01 bao màu trắng đựng 15kg hạt tiêu khô, 01 bao màu trắng đựng 08kg hạt tiêu khô cho anh Phạm Văn K và chị Phạm Thị C (Trú tại: Thôn 06, xã ND, huyện C, tỉnh ĐN) là chủ sở hữu hợp pháp.

Trả lại 01 (một) xe máy BKS 50PC – 1367 cho anh Phùng Văn M là chủ sở hữu hợp pháp.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐN;
- Sở tư pháp tỉnh ĐN;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Bị cáo;
- Người bị hại
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HS.

Nguyễn Thế Thắng
(*Đã ký*)

